

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Thị Kim Nhung**.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Văn Đích**.

2. Ông **Nguyễn Kim Thành**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Võ Ngọc Tín** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thị Hương Thu** – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 07 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Sơn Trà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 67/2022/TLST-DS ngày 23 tháng 05 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 295/2024/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 06 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 92/2024 ngày 11 tháng 07 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Ngân hàng thương mại cổ phần Á (A)** - Địa chỉ: D N, phường E, quận C, TP H. Người đại diện theo pháp luật: Ông **Từ Tiến P**, chức vụ: Tổng Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Đình L**, chức vụ: Phó Giám đốc phòng quản lý nợ. Giấy Người được ủy quyền: Bà **Xà Thị Bích H**, chức vụ: Nhân viên, theo Giấy ủy quyền số: 1285/UQ-QLN.22 ngày 05/7/2022 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Á và Giấy ủy quyền số: 2681/UQ-QLN.22 ngày 21/12/2022 của Phó Giám đốc Phòng Quản Lý Nợ Ngân hàng TMCP Á. *Có mặt.*

2. *Bị đơn:* Ông **Lê Công Nhật T**; sinh năm: 1985 và bà **Phạm Thị Mỹ N**; sinh năm: 1986. Cùng trú tại: Tổ 1, phường M, quận S, thành phố Đ. *Vắng mặt.*

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông **Lê Văn T1**, sinh năm: 1958 (Đã chết) và bà **Phan Thị U**, sinh năm: 1956. Cùng trú tại: Tổ 1, phường M, quận S, thành phố Đ. *Vắng mặt.*

+ Ông **Lê Công Chiến T2**, sinh năm: 1983. Nơi ĐKKHKT: TỔ A T, phường M, quận S, thành phố Đ. *Vắng mặt.*

+ Ông **Lê Công Quang Q**, sinh năm: 1977. Nơi ĐKKHKT: TỔ A T, phường M, quận S, thành phố Đ. *Vắng mặt.*

+ Ông **Lê Công Hoàng V**, sinh năm: 1971. Nơi ĐKKHKT: TỔ A T, phường M, quận S, thành phố Đ. *Vắng mặt.*

+ Ông **Lê Công Quang V1**, sinh năm: 1974. Nơi ĐKKHKT: TỔ A T, phường M, quận S, thành phố Đ (đã chết).

+ Bà **Lê Thị Diễm T3**, sinh năm: 1989. Nơi ĐKKHKT: TỔ A T, phường M, quận S, thành phố Đ. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và ý kiến trong quá trình tố tụng tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – bà Xà Thị Bích H trình bày:*

Ngày 28/06/2019, Ngân hàng TMCP Á cấp tín dụng cho ông Lê Công Nhật T và bà Phạm Thị Mỹ N. Căn cứ theo Hợp đồng cấp tín dụng số DAN.CN.873.280619 ngày 28/6/2019. Theo hợp đồng, ông T và bà N vay số tiền 1.750.000.000 (Một tỷ bảy trăm năm mươi triệu) đồng; Mục đích cho vay: Tiêu dùng – Xây dựng/sửa chữa nhà ở với quy mô nhỏ - Bổ sung vốn sửa nhà và mua sắm vật dụng gia đình; Thời hạn giải ngân: 06 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng cấp tín dụng (28/6/2019); Thời hạn cho vay: 120 tháng, kể từ ngày kế tiếp ngày bên được cấp tín dụng nhận tiền vay lần đầu.

Để thực hiện các Hợp đồng cấp tín dụng nêu trên, Ngân hàng TMCP Á đã giải ngân cho ông Lê Công Nhật T và bà Phạm Thị Mỹ N bằng Khế ước nhận nợ như sau: Khế ước nhận nợ số 01 (số tài khoản vay 286834409; Ngày ký và giải ngân: Ngày 28/6/2019; Số tiền giải ngân: 1.750.000.000 đồng; Phương thức giải ngân: Chuyển số tiền giải ngân và tài khoản thanh toán số 134906389 của Lê Công Nhật T tại Ngân hàng TMCP Á; Thời hạn cho vay: Từ ngày 29/6/2019 đến ngày 28/6/2029; Lãi suất trong hạn: 10,80%/năm cố định trong thời hạn 03 tháng đầu tiên, Lãi suất sau đó được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức sau: Lãi suất (%/năm) = LS13 + 3,90%/năm + X, Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn, Lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, ông Lê Văn T1 và bà Phan Thị U' (cha mẹ của ông Lê Công Nhật T) đã thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 97, tờ bản đồ số 30, địa chỉ: Tổ 1, phường M, quận S, thành phố Đ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CTs 51370 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ cấp ngày 12/11/2014 đứng tên Lê Văn T1 và bà Phan Thị U'. Tài sản trên được thế chấp cho A căn cứ theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số DAN.BĐCN.75.280619 được công chứng tại Văn phòng công chứng Phạm Văn K, thành phố Đà Nẵng ngày 28/6/2019, số công chứng 2207; đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại quận S ngày 28/6/2019, số thứ tự 8933 và Cam kết thế chấp tài sản ngày 28/6/2019.

Trong quá trình vay vốn, từ lúc giải ngân đến ngày 30/7/2024, ông Lê Công Nhật T và bà Phạm Thị Mỹ N đã trả được tổng số tiền 705.218.539 đồng, nợ gốc 352.561.684 đồng và nợ lãi 352.656.855 đồng, kể từ đó đến nay ông T và bà N không trả bất cứ khoản tiền nào.

Ngày 15/10/2021, Ngân hàng TMCP Á ra Thông báo thu hồi nợ trước hạn và ngày 30/10/2021 chuyển nợ quá hạn đối với Khế ước nhận nợ số 286834409. Vì vậy, Ngân hàng TMCP Á đề nghị Tòa án buộc:

- Ông Lê Công Nhật T và bà Phạm Thị Mỹ N trả ngay cho Ngân hàng TMCP Á tổng số nợ còn thiếu tính đến ngày 30/7/2024 là **2.545.140.296** đồng, trong đó vốn gốc 1.397.438.316 đồng, lãi trong hạn từ ngày 30/04/2021 đến ngày 30/10/2021 là: 91.095.608 đồng (11%/01 năm), lãi quá hạn từ ngày 30/10/2021 đến ngày 30/07/2024 là: 1.056.606.372 đồng (16.5%/01 năm).

- Ông Lê Công Nhật T và bà Phạm Thị Mỹ N còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày 31/7/2024 đến ngày trả hết nợ.

- Nếu ông Lê Công Nhật T và bà Phạm Thị Mỹ N không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì tài sản bảo đảm được cơ quan có thẩm quyền xử lý để thu hồi nợ là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 97, tờ bản đồ số 30, địa chỉ: Tổ 1, phường M, quận S, thành phố Đ thuộc quyền sở hữu, sử dụng dùng tên ông Lê Văn T1 và bà Phan Thị U.

** Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn ông Lê Công Nhật T và bà Phạm Thị Mỹ N vắng mặt nhưng ông T có bản tự khai ngày 16/04/2024 thể hiện:*

Tôi xác nhận vợ chồng tôi có ký Hợp đồng tín dụng số DAN.CN.873.280619 ngày 28/6/2019 với Ngân hàng TMCP Á. Theo hợp đồng, tôi và bà N vay số tiền 1.750.000.000 (Một tỷ bảy trăm năm mươi triệu) đồng; Mục đích cho vay: Tiêu dùng – Xây dựng/sửa chữa nhà ở với quy mô nhỏ - bổ sung vốn sửa nhà và mua sắm vật dụng gia đình; Thời hạn giải ngân: 06 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng cấp tín dụng (28/6/2019); Thời hạn cho vay: 120 tháng, kể từ ngày kế tiếp ngày bên được cấp tín dụng nhận tiền vay lần đầu.

Tổng số tiền nợ tính đến ngày 08/04/2024 là 2.297.445.647 đồng (trong đó nợ gốc là 1.397.438.316 đồng; lãi trong hạn 91.095.608 đồng, lãi quá hạn 718.248.573 đồng, phạt chậm trả lãi 90.673.950 đồng).

Tuy nhiên do điều kiện kinh tế khó khăn nên tôi xin ngân hàng cho tôi trả dần làm 5 đợt: Đợt 1: Trả 500.000.000 (Năm trăm triệu đồng) vào ngày 15-05-2024. Đợt 2: 400.000.000 (Bốn trăm triệu đồng) vào ngày 15-07-2024. Đợt 3: 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) vào ngày 15-09-2024. Đợt 4: 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) vào ngày 15-11-2024. Đợt 5: Trả hết phần còn lại vào ngày 15-01-2025.

Cha tôi là ông Lê Văn T1 (đã chết) và bà Phan Thị U có với nhau 6 người con là: Lê Công Quang V1, sinh năm 1974 (đã chết), ông V1 có 02 con nhỏ đã chết. Lê Công Quý Q1, sinh năm 1977, trú tại: Tổ A T, M, S, Đ. Lê Công Hoàng V, sinh năm 1979, trú tại: Tổ A T, M, S, Đ. Lê công Chiến Thắng, sinh năm 1983, trú tại: Tổ A T, M, S, Đ. Lê Công Nhật T, sinh năm 1985, trú tại: Tổ A T, M, S, Đ. Lê Thị Diễm T3, sinh năm: 1989, trú tại: Xã Đ, Đ, tỉnh Q.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn T1, ông Lê Công Chiến T2, ông Lê Công Quang Q, ông Lê Công Hoàng V và bà Lê Thị Diễm T3 vắng mặt nên không có ý kiến gì.*

* Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử

ngộ án. Theo đó, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng pháp luật tố tụng cho đến phiên tòa xét xử. Nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật tố tụng. Riêng bị đơn, người có quyền và nghĩa vụ liên quan thực hiện không đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc không tuân thủ quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 299, Điều 303, Điều 463 và 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 7, Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; căn cứ vào các điều khoản của Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết, đề nghị HĐXX:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Á đối với ông Lê Công Nhật T và bà Phạm Thị Mỹ N.

- Buộc ông Lê Công Nhật T và bà Phạm Thị Mỹ N trả ngay cho A tổng số nợ còn thiếu tính đến ngày 30/7/2024 là **2.545.140.296** đồng, trong đó vốn gốc 1.397.438.316 đồng, lãi trong hạn là: 91.095.608 đồng, lãi quá hạn là: 1.056.606.372 đồng. Ông Lê Công Nhật T và bà Phạm Thị Mỹ N còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày 31/7/2024 đến ngày trả hết nợ.

- Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với thửa đất số 97, tờ bản đồ số 30, địa chỉ: Tổ 1, phường M, quận S, thành phố Đ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CTs 51370 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ cấp ngày 12/11/2014 đứng tên ông Lê Văn T1 (đã chết) và bà Phan Thị U được xử lý theo quy định tại Điều 299 và Điều 303 của Bộ luật Dân sự năm 2015 để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP Á.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP Á với ông Lê Công Nhật T và bà Phạm Thị Mỹ N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ngân hàng TMCP Á là nguyên đơn trong vụ án, ông Lê Công Nhật T và bà Phạm Thị Mỹ N (là bị đơn trong vụ án, không có yêu cầu phản tố) vắng mặt tại phiên tòa. Riêng những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2

Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt của họ.

[2] Về nội dung vụ án:

Ngày 28/6/2019 ông Lê Công Nhật T và bà Phạm Thị Mỹ N đã ký Hợp đồng cấp tín dụng số DAN.CN.873.280619 với Ngân hàng TMCP Á chi tiết như sau: Số tiền vay: 1.750.000.000 đồng (Một tỷ bảy trăm năm mươi triệu đồng); Mục đích cho vay: Tiêu dùng – Xây dựng/sửa chữa nhà ở với quy mô nhỏ - bổ sung vốn sửa nhà và mua sắm vật dụng gia đình; Thời hạn giải ngân: 06 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng cấp tín dụng (28/6/2019); Thời hạn cho vay: 120 tháng, kể từ ngày kế tiếp ngày bên được cấp tín dụng nhận tiền vay lần đầu.

Để thực hiện các Hợp đồng cấp tín dụng nêu trên, Ngân hàng TMCP Á đã giải ngân cho ông Lê Công Nhật T và bà Phạm Thị Mỹ N bằng Khế ước nhận nợ như sau: Khế ước nhận nợ số 01 (số tài khoản vay 286834409; Ngày ký và giải ngân: Ngày 28/6/2019; Số tiền giải ngân: 1.750.000.000 đồng; Phương thức giải ngân: Chuyển số tiền giải ngân và tài khoản thanh toán số 134906389 của Lê Công N1 Trường tại A; Thời hạn cho vay: Từ ngày 29/6/2019 đến ngày 28/6/2029.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, ông Lê Văn T1 và bà Phan Thị U (cha mẹ của ông Lê Công Nhật T) đã thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 97, tờ bản đồ số 30, địa chỉ: Tổ 1, phường M, quận S, thành phố Đ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CTs 51370 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ cấp ngày 12/11/2014. Tài sản trên được thế chấp cho A căn cứ theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số DAN.BĐCN.75.280619 được công chứng tại Văn phòng công chứng Phạm Văn K, thành phố Đà Nẵng ngày 28/6/2019, số công chứng 2207; đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại quận S ngày 28/6/2019, số thứ tự 8933 và Cam kết thế chấp tài sản ngày 28/6/2019.

Trong quá trình vay vốn, từ lúc giải ngân đến ngày 30/7/2024, ông Lê Công Nhật T và bà Phạm Thị Mỹ N đã trả được tổng số tiền 705.218.539 đồng, trong đó nợ gốc 352.561.684 đồng và nợ lãi 352.656.855 đồng. Tính đến ngày 30/7/2024 ông Lê Công Nhật T và bà Phạm Thị Mỹ N còn nợ Ngân hàng TMCP Á số tiền: **2.545.140.296** đồng, trong đó vốn gốc 1.397.438.316 đồng, lãi trong hạn từ ngày 30/04/2021 đến ngày 30/10/2021 là: 91.095.608 đồng, lãi quá hạn từ ngày 30/10/2021 đến ngày 30/07/2024 là: 1.056.606.372 đồng.

Vào năm 2020, ông Lê Văn T1 chết. Tòa án nhân dân quận Sơn trà đã đưa hàng thừa kế thứ nhất của ông T1 gồm: bà Phan Thị U, ông Lê Công Chiến T2, ông Lê Công Quang Q, ông Lê Công Hoàng V, ông Lê Công Quang V1 và bà Lê Thị Diễm T3 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 615 của Bộ luật dân sự năm 2015 “*những người hưởng thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại*”.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng cho vay số DAN.CN.873.280619 ngày 28/6/2019 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Á với ông Lê Công Nhật T và bà Phạm Thị Mỹ N trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân

thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia trong giao dịch này có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết nói trên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Lê Công Nhật T và bà Phạm Thị Mỹ N đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo cam kết trong hợp đồng tín dụng, liên tục không trả nợ trong nhiều kỳ. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng ông Lê Công Nhật T và bà Phạm Thị Mỹ N vẫn không có thiện chí trả nợ.

Số tiền nợ gốc ông Lê Công Nhật T và bà Phạm Thị Mỹ N còn nợ Ngân hàng TMCP Á của hợp đồng cho vay số DAN.CN.873.280619 ngày 28/6/2019 là **1.397.438.316** đồng. Do vi phạm các nghĩa vụ trả nợ như cam kết trong hợp đồng nên Ngân hàng TMCP Á đã khởi kiện. Việc khởi kiện của Ngân hàng yêu cầu ông Lê Công Nhật T và bà Phạm Thị Mỹ N phải trả số tiền còn nợ nói trên là phù hợp với Điều 463 và 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên HĐXX chấp nhận.

[4] Về lãi suất: HĐXX xét thấy: Đối với khoản tiền lãi trong hạn từ ngày 30/04/2021 đến ngày 30/10/2021 là: 91.095.608 đồng (11%/01 năm), lãi quá hạn từ ngày 30/10/2021 đến ngày 30/07/2024 là: 1.056.606.372 đồng (16.5%/01 năm). Do ông Lê Công Nhật T và bà Phạm Thị Mỹ N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng yêu cầu ông Lê Công Nhật T và bà Phạm Thị Mỹ N phải trả toàn bộ khoản lãi nói trên theo lãi suất quy định Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký. Việc Ngân hàng áp dụng mức lãi suất và đề nghị ông Lê Công Nhật T và bà Phạm Thị Mỹ N phải trả là phù hợp với quy định về lãi suất của hợp đồng tín dụng, phù hợp với khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 7, 8, 12 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định pháp luật về lãi suất nên HĐXX chấp nhận.

[5] Về xử lý tài sản thế chấp: Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với tại thửa đất số 97, tờ bản đồ số 30, địa chỉ: Tổ 1, phường M, quận S, thành phố Đ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CTs 51370 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ cấp ngày 12/11/2014 đứng tên ông Lê Văn T1 (đã chết) và bà Phan Thị U được xử lý theo quy định tại Điều 299 và Điều 303 của Bộ luật Dân sự năm 2015 để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP Á.

Hiện nay do ông Lê Văn T1 đã chết nên phần tài sản của ông T1 để lại trong khối tài sản chung của ông với bà Phan Thị U trở thành di sản thừa kế mà lẽ ra những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Lê Văn T1 được hưởng. Tuy nhiên ông Lê Văn T1 để lại nghĩa vụ của người thế chấp, bảo lãnh cho khoản vay của ông Lê Công Nhật T và bà Phạm Thị Mỹ N theo hợp đồng thế chấp, bảo lãnh số DAN.BĐCN.75.280619 ngày 28/06/2019 được ký kết với Ngân hàng TMCP Á nên những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm bà Phan Thị U cùng các con ông Lê Công Chiến T2, ông Lê Công Quang Q, ông Lê Công Hoàng V, ông Lê Công Quang V1 (ông V1 đã chết và không có hàng thừa kế thế vị) và bà Lê Thị Diễm T3 có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do ông Lê Văn T1 để lại theo quy định tại Điều 615 Bộ luật dân sự năm 2015.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Á được chấp nhận nên bị đơn là ông Lê Công Nhật T và bà Phạm Thị Mỹ N phải chịu án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Ông Lê Công Nhật T và bà Phạm Thị Mỹ N phải chịu là: **82.902.806** đồng (T4 mươi hai triệu, chín trăm lẻ hai ngàn, tám trăm lẻ sáu đồng).

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Á số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **34.389.322** đồng (Ba mươi bốn triệu, ba trăm tám mươi chín ngàn, ba trăm hai mươi hai đồng) theo Biên lai nộp tiền tạm ứng án phí số 0003405 ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

[7] Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: **4.000.000** đồng (Bốn triệu đồng) ông Lê Công Nhật T và bà Phạm Thị Mỹ N phải chịu. Ngân hàng TMCP Á đã nộp tạm ứng và chi xong. Buộc ông Lê Công Nhật T và bà Phạm Thị Mỹ N phải hoàn lại số tiền **4.000.000** đồng (Bốn triệu đồng) cho Ngân hàng TMCP Á.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 299, Điều 303, Điều 463 và 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" của Ngân hàng TMCP Á đối với ông Lê Công Nhật T và bà Phạm Thị Mỹ N.

Xử:

1. Buộc ông Lê Công Nhật T và bà Phạm Thị Mỹ N trả ngay cho Ngân hàng TMCP Á tổng số nợ còn thiếu tính đến ngày 30/7/2024 là **2.545.140.296** đồng, trong đó vốn gốc 1.397.438.316 đồng, lãi trong hạn là: 91.095.608 đồng, lãi quá hạn là: 1.056.606.372 đồng. Ông Lê Công Nhật T và bà Phạm Thị Mỹ N còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày 31/7/2024 đến ngày trả hết nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

2. Tài sản thế chấp: Trường hợp ông Lê Công Nhật T và bà Phạm Thị Mỹ N không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì tài sản bảo đảm được cơ quan có thẩm quyền xử lý để thu hồi nợ là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 97, tờ bản đồ số 30, địa chỉ: Tổ 1, phường M, quận S, thành phố Đ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và

tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CTs 51370 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ cấp ngày 12/11/2014 đứng tên ông Lê Văn T1 (đã chết) và bà Phan Thị Ư được xử lý theo quy định tại Điều 299 và Điều 303 của Bộ luật Dân sự năm 2015 để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP Á.

Nếu ông Lê Công Nhật T và bà Phạm Thị Mỹ N hoàn tất xong khoản nợ thì phía Ngân hàng TMCP Á phải hoàn trả lại cho ông Lê Công Nhật T và bà Phạm Thị Mỹ N 01 Giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số BV 584140 số vào sổ cấp GCN: CTs 51370 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ cấp ngày 12/11/2014 theo quy định tại Điều 322 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Công Nhật T và bà Phạm Thị Mỹ N phải chịu là: **82.902.806** đồng (T4 mươi hai triệu, chín trăm lẻ hai ngàn, tám trăm lẻ sáu đồng).

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Á số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **34.389.322** đồng (Ba mươi bốn triệu, ba trăm tám mươi chín ngàn, ba trăm hai mươi hai đồng) theo Biên lai nộp tiền tạm ứng án phí số 0003405 ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

4. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: **4.000.000** đồng (Bốn triệu đồng) ông Lê Công Nhật T và bà Phạm Thị Mỹ N phải chịu. Ngân hàng TMCP Á đã nộp tạm ứng và chi xong. Buộc ông Lê Công Nhật T và bà Phạm Thị Mỹ N phải hoàn lại số tiền **4.000.000** đồng (Bốn triệu đồng) cho Ngân hàng TMCP Á.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà;
- Chi cục THA dân sự quận Sơn Trà;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Dương Thị Kim Nhung

